

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-ST

Ngày: 15-7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24 ngày 16/6/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020; đối với bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Mạnh H - Sinh năm 1982. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Bố đẻ: Nguyễn Văn H, sinh năm 1959. Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T (đã chết)

Bị cáo có vợ đã ly hôn; có 01 con sinh năm 2006

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: 02 - Tại Bản án số 21/2010/HSST ngày 17/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt Nguyễn Mạnh H 24 tháng tù về tội ”Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Tại Bản án số 64/2014/HSST ngày 18/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt Nguyễn Mạnh H 18 tháng tù về tội ”Trộm cắp tài sản”, phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ án phí dân sự trong án hình sự. Tổng hợp với hình phạt còn lại chưa chấp hành của bản án số 21/2010/HSST ngày 17/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ là 19 tháng 17 ngày. Hình phạt phải thi hành của hai bản án là 37 tháng 17 ngày tù. H chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/9/2017, chấp hành xong án phí tháng 3/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/4/2020, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: bà Nguyễn Thị T, Sinh năm 1956

Địa chỉ: Khu Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Trọng D, Sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 20 ngày 03/4/2020, Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1982, cư trú tại khu Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ sang nhà ông Nguyễn Văn Đ ở gần nhà H để mượn điện thoại gọi cho bạn của H nhưng ông Đ không cho mượn. Sau đó, H đi sang nhà chị M (ở gần nhà ông Đ) nhưng nhà chị M cũng đóng cửa không có ai ở nhà. H tiếp tục đi sang nhà bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956 cũng ở gần đó để mượn điện thoại. Khi đến nhà bà T, H thấy nhà bà T cửa mở nhưng không có ai ở nhà. H nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng loại Realme 5i màu xanh nước biển và 01 chiếc đồng hồ nữ để trên mặt bàn uống nước ở phòng khách nhà bà T nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. H không gọi bà T mà lén lút lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần đang mặc. Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại của bà T, H đi về nhà và tắt nguồn điện thoại, mở khay sim thấy có 2 sim điện thoại, H đã tháo 2 sim cất vào túi áo khoác đang mặc. H bật nguồn điện thoại lên thì thấy mật khẩu khóa màn hình điện thoại bằng hình vẽ, có 09 chấm tròn xếp thành 3 hàng dọc và 3 hàng ngang. Thấy vậy H vẽ thử mật khẩu bằng cách nối các chấm tròn

từ 1235789 thành chữ Z thì thấy mở được khóa màn hình điện thoại. H nghĩ đến việc mang chiếc điện thoại đi bán để lấy tiền tiêu sài cá nhân. H mang theo điện thoại đó đi bộ đến nhà anh Bùi Đức L, sinh năm 1985 ở khu Q, thị trấn C làm nghề lái xe taxi để nhờ anh L chở H đi bán điện thoại, anh L đồng ý. Trên đường đi, H nói với anh L là có quán bán điện thoại nào thì dừng xe để H vào bán điện thoại (anh L không biết việc H bán chiếc điện thoại do trộm cắp mà có). Khi đến đoạn gần lối vào đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai thì H thấy cửa hàng điện thoại “Trọng D” của anh Hoàng Trọng D, sinh năm 1995 (ở khu Q, thị trấn C) thì H bảo L dừng xe bên lề đường đối diện quán để H vào quán bán điện thoại. H vào quán thì gặp D và nói với D xem điện thoại để H bán. Sau khi thấy H mở được khóa điện thoại, anh D không nghi ngờ gì nên xem điện thoại và trả giá 1.500.000đ. H đồng ý bán điện thoại và lấy tiền rồi lên xe anh L chở đến bến đò P. H trả cho anh L 100.000đ tiền taxi rồi đi đò sang huyện Thanh Ba chơi và tiêu hết tiền bán được điện thoại. Bà Nguyễn Thị T sau khi bị mất điện thoại đã trình báo công an thị trấn C và công an huyện Cẩm Khê.

Ngày 03/4/2020, Cơ quan CSĐT công an huyện Cẩm Khê tạm giữ tại nhà bà Nguyễn Thị T:

- 01 hộp đựng điện thoại màu vàng, trên bề mặt hộp có in chữ Realme, mặt sau hộp cho ghi tên hàng: Điện thoại DĐ RMX2030, màu sắc: xanh nước biển, IMEI 1: 86286040298994: IMEI 2: 86286040298986.

- 01 sổ hướng dẫn thanh toán, một mặt sau bìa quyền sổ có thẻ thông tin khách hàng: Nguyễn Huy H, số hợp đồng tín dụng ED 016935273, số tiền khách hàng thanh toán hàng tháng 599.000đ, ngày thanh toán hàng tháng 20 đến 25, ngày kết thúc hợp đồng 25/7/2020.

Ngày 05/4/2020, anh Hoàng Trọng D đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra: 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng loại Realme 5i màu xanh nước biển.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23 ngày 06/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cẩm Khê kết luận: *“Một chiếc điện thoại di động Realme 5i, màu xanh nước biển, số IMEI 1: 86286040298994: IMEI 2: 86286040298986, điện thoại mua tháng 4/2020, có giá trị là 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng)”*.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Mạnh H khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị T 01 chiếc điện thoại di động có đặc điểm như trên.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKSCK -HS ngày 16/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh H về tội “Trộm cắp

tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự; Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 06/4/2020.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại tài sản cho bà Nguyễn Thị T gồm 01 chiếc điện thoại và 01 hộp đựng điện thoại, 01 sổ thanh toán đã thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho anh Hoàng Trọng D số tiền 1.500.000đ do anh D đã trả cho bị cáo tiền mua điện thoại.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

+ Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Mạnh H đã thừa nhận, ngày 03/4/2020, tại nhà bà Nguyễn Thị T ở khu Q, huyện C, tỉnh Phú Thọ, H có hành vi trộm cắp của bà T 01 chiếc điện thoại di động Realme 5i, màu xanh nước biển. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai mà bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Nguyễn Mạnh H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự;

+ Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã ngang nhiên xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời và nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật, có điều kiện để nhận thức về pháp luật, có sức khỏe và hiểu biết xã hội. Bị cáo không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào nhưng có nhân thân xấu. Năm 2010 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; năm 2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. H đã chấp hành xong hình phạt của hai bản án trên và đã được xóa án tích nhưng bị cáo đã không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản của bà T. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo, vì vậy cần xử phạt đối với bị cáo nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới đảm bảo rắn đe, giáo dục đối với bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người bị hại (bà T) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Qua xác minh, bị cáo không có tài sản riêng, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy xét nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Đối với anh Hoàng Trọng D: anh D đã mua lại chiếc điện thoại nhưng không biết chiếc điện thoại đó do H trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với anh Bùi Đức L là người chở H đi bán điện thoại: anh L không biết H trộm cắp điện thoại mang đi bán nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[3]. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với vật chứng là 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng loại Realme 5i màu xanh nước biển và các phụ kiện gồm 01 hộp đựng điện thoại màu vàng, trên bề mặt hộp có in chữ Realme, 01 sổ hướng dẫn thanh toán, một mặt sau bìa quyền sở hữu có thẻ thông tin khách hàng: Nguyễn Huy H, số hợp đồng tín dụng ED 016935273: cơ quan điều tra đã giao trả lại cho bà T là phù hợp pháp luật.

- Đối với 02 chiếc sim điện thoại của bà T do H tháo từ điện thoại trộm cắp và làm rơi mất, cơ quan điều tra đã rà soát nhưng không tìm thấy; bà T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Anh Hoàng Trọng D đã trả cho bị cáo H số tiền 1.500.000đ tiền mua chiếc điện thoại. Anh D có yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên. Vì vậy cần buộc bị cáo H phải trả cho anh D số tiền 1.500.000đ.

[4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong án hình sự và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 điều 173; Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam ngày 06/4/2020.

[2]. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 47; Khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự

Xác nhận ngày 11/4/2020 , Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã trả cho bà Nguyễn Thị T 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng loại Realme 5i màu xanh nước biển; 01 hộp đựng điện thoại màu vàng; 01 sổ hướng dẫn thanh toán,

một mặt sau bìa quyển sổ có thẻ thông tin khách hàng: Nguyễn Huy H, số hợp đồng tín dụng ED 016935273 theo biên bản giao trả tài sản là hợp pháp.

Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh H phải có nghĩa vụ trả cho anh Hoàng Trọng D số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Mạnh H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; Những người TGTT
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THA hình sự;
- Cơ quan THA dân sự h Cẩm Khê;
- Công an huyện Cẩm Khê;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Loan

